**BỆNH VIỆN BẠCH MAI**

**TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ BẠCH MAI**

**HƯỚNG DẪN SINH VIÊN TỰ HỌC**

**BÀI 28,29: BÀI: 28, 29**

**KỸ THUẬT SƠ CỨU VẾT THƯƠNG PHẦN MỀM**

**VÀ BĂNG BÓ VẾT THƯƠNG**

**Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy, cố vấn học tập và quản lý phòng tự học:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Họ và tên** | | **Số ĐT** | **Địa chỉ Email** |
| ***Giảng tại phòng thực hành*** | | |  |  |
|  | Vũ Đình | Tiến | 0912378570 | [Vudinhtienybm@gmail.com](mailto:Vudinhtienybm@gmail.com) |
|  | Nguyễn Quỳnh | Châm | 0962461181 | [Chamquynh881@yahoo.com](mailto:Chamquynh881@yahoo.com) |
|  | Nguyễn Thị Thúy | Tuyết | 0984811828 | [thuytuyetbm@gmail.com](mailto:thuytuyetbm@gmail.com) |
|  | Nguyễn Hoàng | Chính | 0902196985 | [chinhnh@hotmail.com](mailto:chinhnh@hotmail.com) |
|  | Đoàn Văn | Chính | 0974721412 | [Doanvanchinh88@gmail.com](mailto:Doanvanchinh88@gmail.com) |
|  | Trịnh Thị Kim | Dung | 0983992415 | [kimdungtrinhbm@gmail.com](mailto:kimdungtrinhbm@gmail.com) |
|  | Vũ Thị Mai | Hoa | 0915432125 | [Hoahanhtung@yahoo.com.vn](mailto:Hoahanhtung@yahoo.com.vn) |
|  | Đinh Thị Thu | Hương | 0912423463 | [Dinhhuong.coi79@gmail.com](mailto:Dinhhuong.coi79@gmail.com) |
|  | Nguyễn Hải | Linh | 0989084998 | [Linhnhim2010@gmail.com](mailto:Linhnhim2010@gmail.com) |
|  | Đặng Kiều | Oanh | 0912671835 | [kieuoanhbvbm@gmail.com](mailto:kieuoanhbvbm@gmail.com) |
|  | Nguyễn Hùng | Sơn | 0382360545 | [Hungsonnguyen86@gmail.com](mailto:Hungsonnguyen86@gmail.com) |
|  | Lê Thị Kim | Thoa | 0982071381 | [lethikimthoacdybm@yahoo.com](mailto:lethikimthoacdybm@yahoo.com) |
|  | Nguyễn Thu | Trang | 0963457508 | [Thutrangnguyen2208@gmail.com](mailto:Thutrangnguyen2208@gmail.com) |
|  | Đỗ Thị Thanh | Vân | 0904686865 | [dttvanbm@gmail.com](mailto:dttvanbm@gmail.com) |
|  | Phạm Thanh | Vân | 0986810266 | [Vnphamthanh79@gmail.com](mailto:Vnphamthanh79@gmail.com) |
| ***Cố vấn học tập*** | | |  |  |
|  | Vũ Thị Mai | Hoa | 0915432125 | [Hoahanhtung@yahoo.com](mailto:Hoahanhtung@yahoo.com).vn |
| ***Quản lý phòng tự học*** | | |  |  |
|  | ĐinhThị Thu | Hương | 0912423463 | [Dinhhuong.coi79@gmail.com](mailto:Dinhhuong.coi79@gmail.com) |

**1. Chuẩn bị**

* Nghiên cứu Giải phẫu – Sinh lý phần có liên quan đến bài kỹ thuật sơ cứu vết thương và Băng bó
* Nghiên cứu tài liệu, nghiên cứu tình huống và trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giáo viên trong các tình huống. (Sử dụng giấy A1 hoặc A0 để trả lời câu hỏi, Viết tên SV trong nhóm vào giấy A1 hoặc A0)
* Xem video các kỹ thuật điều dưỡng, nghiên cứu bảng kiểm để tìm ra bước quan trọng, bước khó, bước dễ sai lỗi, tai biến.
* Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học và học nhóm.
* Mạnh dạn liên hệ với giảng viên (cố vấn học tập) để được tư vấn, hỗ trợ về vấn đề tự học, tự nghiên cứu qua các địa chỉ Email, gọi điện ...
* Gửi sản phẩm tự học đến địa chỉ Email: [SPTH\_KTDD\_MĐ5@gmail.com](mailto:SPTH_KTDD_MĐ5@gmail.com).
* Chuẩn bị các phương tiện trình bày, thảo luận nhóm khi đến lớp (bài chiếu slide hoặc bài viết ra giấy A1 hoặc A0)
* Phân công người trình bày (luân phiên nhau).

**KỸ THUẬT SƠ CỨU VẾT THƯƠNG PHẦN MỀM VÀ CÁC**

**KIỂU BĂNG CƠ BẢN**

**I. Chuẩn đầu ra**

1. Vận dụng được kiến thức về: mục đích, áp dụng, nguyên tắc, tai biến và cách đề phòng để giải thích được cho NN, thiết lập môi trường chăm sóc an toàn (CĐR2)

2. Áp dụng 6 kiểu băng cơ bản để băng từng vị trí trên cơ thể ở nạn nhân giả định. (CĐR 2,3,4)

3. Nhận định đúng, kịp thời các dấu hiệu nguy hiểm trên NN giả định để đưa ra hướng xử trí thích hợp (CĐR 2,3,5)

4. Thực hiện được kỹ năng giao tiếp với NN và người nhà trong quá trình cấp cứu và tiến hành KT.

5. Lường trước được các tai biến có thể xảy ra

5. Thể hiện được tính tích cực trong học tập, cập nhật kiến thức để nâng cao năng sự hiểu biết của bản thân**. (CĐR 8).**

6. Hợp tác được với các thành viên trong nhóm, rèn luyện được tính tích cực trong học tập (CĐR 6)

**II. Nội dung**

**Sinh viên nghiên cứu các tình huống dưới đây và trả lời câu hỏi:**

**Tình huống 1:**

Trong 1 công trường đang thi công có 2 NN bị tai nạn lao động chảy rất nhiều máu, NN thứ 1 bị một vết thương ở bàn tay trên bề mặt vết thương có nhiều đất cát và chảy nhiều máu, Nạn nhân thứ 2 bị một thanh sắt đâm xuyên qua cẳng tay trái máu phun ra rất mạnh.

**Yêu cầu tình huống:**

1. Trong tình huống trên hãy giải thích mục đích của sơ cứu vết thương và băng bó là gì?

2. Khi sơ cứu vết thương cho 2 nạn nhân trên bạn phải đảm bảo những nguyên tắc nào?

3. Tai biến nào có thể gặp phải đối với NN có vết thương đâm xuyên và cách phòng tránh?

4. Để tiến hành sơ cứu, băng bó cho 2 nạn nhân trên bạn cần phải chuẩn bị những dụng cụ nào?

5. Kiểu băng nào có thể áp dụng khi băng vết thương ở bàn tay?

6. Trình bày và giải thích nguyên tắc khi Băng bó?

***Tình huống 2:***

*Bạn điều dưỡng tại phòng y tế của nhà máy May 10, buổi chiều khi đang ngồi trực tại phòng bạn nhận được điện thoại yêu cầu xuống ngay phân xưởng cắt có công nhân đang bị tai nạn lao động. Khi chạy xuống đến phân xưởng bạn nhìn thấy có 1 công nhân nữ đang ôm chặt bàn tay phải chảy nhiều máu, qua quan sát bạn thấy chị công nhân kia bị trong lúc giữ sấp vải vào máy cắt đã không để ý máy cắt đã cắt đứt đúng đầu ngón 2,3,4 của bàn tay phải của chị và dập nát các đầu ngón tay khác.*

**Yêu cầu tình huống:**

1. Đưa ra hướng xử trí ngay với nạn nhân này? Giải thích?
2. Trường hợp các ngón tay bị dập nát, bạn sẽ áp dụng kiểu băng nào? Vì sao?
3. Kể tên các kiểu băng cơ bản? Vị trí áp dụng các kiểu băng đó?
4. Đối với trường hợp vết thương phần mềm sau khi bạn băng bó cầm máu cho nạn nhân bạn cần khuyên nạn nhân làm gì? Vì sao?

**Tình huống 3:**

Bạn là nhân viên của trung tâm cấp cứu được báo có tai nạn giao thông do đâm xe, khi đến hiện trường bạn nhìn thấy có 1 nạn nhân bị đa chấn thương chảy máu rất nhiều vùng đầu,mặt cổ, bụng, tại vùng bụng nạn nhân bị thủng lòi ruột ra ngoài,nạn nhân hoảng hốt kêu đau ầm ĩ, mặt tái nhợt vã mồ hôi. Khi thăm khám người điều dưỡng thấy nạn nhân có một vết rách rộng vùng đỉnh đầu và 1 vết rạch nhỏ ở mặt, vùng bụng trái có vết thủng đường kính 5cm, lòi 1 đoạn ruột non và chảy nhiều máu.

**Yêu cầu tình huống:**

1. Giải thích mục đích của băng bó trong tình huống trên?

2. Tai biến nào có thể gặp phải trong tình huống trên?

3. Nêu hướng xử trí trường hợp NN bị thủng ổ bụng lòi ruột ra ngoài?

4. Trường hợp NN có vết thương vùng đầu cần chú ý theo dõi gì? Giải thích vì sao?

5. Kiểu băng nào có thể áp dụng với vết thương vùng đầu của NN trên?

**III. Quy trình kỹ thuật**

**BẢNG KIỂM**

**KỸ THUẬT SƠ CỨU VẾT THƯƠNG Ở ĐẦU**

**VÀ TIẾN HÀNH BĂNG VẾT THƯƠNG BẰNG PHƯƠNG PHÁP 2 CUỘN**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH** | **Thành thạo** | **Có làm** | **Không làm** |
| **I** | **CHUẨN BỊ** |  |  |  |
|  | Chuẩn bị dụng cụ: hộp cứu thương   * + Hộp sơ cứu (kẹp Kocher hoặc kẹp phẫu tích, kéo, băng, gạc miếng, gạc củ ấu, bát kền đựng dung dịch). * Dụng cụ khác: khay hạt đậu, phiếu chuyển thương, băng dính hoặc kim băng, găng tay, NaCl 0,9%. |  |  |  |
| **II** | **TIẾN HÀNH KỸ THUẬT** |  |  |  |
|  | Động viên, an ủi, để nạn nhân ở tư thế thích hợp  Nhận định tình trạng nạn nhân |  |  |  |
|  | ĐD đứng trước nạn nhân - quan sát, đánh giá vết thương, đi găng. |  |  |  |
|  | Sơ cứu vết thương: cắt tóc vùng có vết thương, lau xung quanh vết thương (rửa vết thương nếu cần), thấm khô, đặt gạc kín vết thương. |  |  |  |
|  | Băng 2 vòng ngang trán - dưới ụ chẩm |  |  |  |
|  | Băng từ trán qua đỉnh đầu xuống gáy rồi từ gáy lên trán và toả sang 2 bên, đường băng sau đè lên 1/2 hoặc 1/3 đường băng trước. |  |  |  |
|  | Tiếp tục băng như trên, băng kín vết thương (không băng đè lên tai) |  |  |  |
|  | Băng 2 vòng quanh đầu cố định (cố định đầu băng bằng băng dính, kim băng hoặc buộc). |  |  |  |
|  | Theo dõi lưu thông máu dưới vị trí băng (hỏi, quan sát và kiểm tra).  Đánh giá lại tình trạng nạn nhân sau khi thực hiện KT |  |  |  |
|  | Viết phiếu chuyển thương, chuyển NN lên tuyến trên |  |  |  |

**BẢNG KIỂM**

**KT SƠ CỨU VẾT THƯƠNG Ở 5 NGÓN TAY**

**& TIẾN HÀNH BĂNG VẾT THƯƠNG**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH** | **Thành thạo** | **Có làm** | **Không**  **làm** |
| **I** | **CHUẨN BỊ** |  |  |  |
|  | Chuẩn bị dụng cụ: hộp cứu thương   * Hộp sơ cứu (kẹp Kocher hoặc kẹp phẫu tích, kéo, băng, gạc miếng, gạc củ ấu, bát đựng dung dịch) * Dụng cụ khác: khay hạt đậu, phiếu chuyển thương, băng dính hoặc kim băng, găng tay, NaCl 0,9%. |  |  |  |
| **II** | **TIẾN HÀNH KỸ THUẬT** |  |  |  |
|  | Động viên, an ủi , để nạn nhân ở tư thế thích hợp  Nhận định tình trạng nạn nhân |  |  |  |
|  | Quan sát, đánh giá vết thương, đi găng |  |  |  |
|  | Sơ cứu vết thương: lau xung quanh vết thương (rửa vết thương nếu cần), thấm khô, đặt gạc kín vết thương |  |  |  |
|  | Băng 2 vòng cố định ở cổ tay |  |  |  |
|  | Băng ngón đầu tiên:   * Băng từ mu bàn tay trái đến gốc ngón út (nếu vết thương ở bàn tay trái), băng từ mu bàn tay phải đến gốc ngón cái (nếu vết thương ở bàn tay phải) băng hình rắn quấn đến đầu ngón tay rồi cuộn 1 vòng * Băng xoáy ốc về đến gốc ngón rồi lại trở về mu bàn tay |  |  |  |
|  | Băng các ngón tiếp theo:  Ngón thứ 2 (băng giống ngón đầu tiên) |  |  |  |
|  | Ngón thứ 3 (băng giống ngón đầu tiên) |  |  |  |
|  | Ngón thứ 4 (băng giống ngón đầu tiên) |  |  |  |
|  | Ngón thứ 5 (băng giống ngón đầu tiên) |  |  |  |
|  | Cố định đầu băng: kết thúc bằng 2 vòng cố định ở cổ tay (cố định đầu băng bằng băng dính, kim băng hoặc buộc) |  |  |  |
|  | Theo dõi lưu thông máu dưới vị trí băng (hỏi, quan sát và kiểm tra).  Đánh giá lại tình trạng nạn nhân sau khi thực hiện KT |  |  |  |
|  | Viết phiếu chuyển thương, chuyển NN lên tuyến trên |  |  |  |

**BẢNG KIỂM**

**KT SƠ CỨU VẾT THƯƠNG Ở BÀN TAY VÀ**

**BĂNG KÍN BÀN TAY KIỂU SỐ 8**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH** | **Thành thạo** | **Có làm** | **Không**  **làm** |
| **I** | **CHUẨN BỊ** |  |  |  |
|  | Chuẩn bị dụng cụ: hộp cứu thương   * Hộp sơ cứu (kẹp Kocher hoặc kẹp phẫu tích, kéo, băng, gạc miếng, gạc củ ấu, bát đựng dung dịch) * Dụng cụ khác: khay hạt đậu, phiếu chuyển thương, băng dính hoặc kim băng, găng tay, NaCl 0,9%. |  |  |  |
| **II** | **TIẾN HÀNH KỸ THUẬT** |  |  |  |
|  | Động viên, an ủi, để nạn nhân ở tư thế thích hợp  Nhận định tình trạng nạn nhân |  |  |  |
|  | Quan sát, đánh giá vết thương, đi găng |  |  |  |
|  | Sơ cứu vết thương: lau xung quanh vết thương (rửa vết thương nếu cần), thấm khô, đặt gạc kín vết thương |  |  |  |
|  | Băng kín 4 ngón: băng đầu các ngón tay theo cách băng vòng gấp lại từ mu ngón tay sang lòng ngón tay, băng từ giữa sang 2 bên, băng gập 2 - 3 lần vòng sau đè lên vòng trước 1/2 hoặc 2/3 |  |  |  |
|  | Băng một vòng cố định phía dưới phần vừa băng |  |  |  |
|  | Băng bàn tay: tiếp tục băng số 8 từ trên xuống, băng kín bàn tay |  |  |  |
|  | Băng 2 vòng cố định ở cổ tay, cố định đầu băng bằng băng dính hoặc kim băng |  |  |  |
|  | Băng ngón cái: Băng rắn cuốn từ gốc ngón tới đầu ngón (hở đầu ngón), từ đầu ngón băng số 8 tới gốc, vòng sau đè lên vòng trước 1/2 hoặc 2/3, băng kín ngón |  |  |  |
|  | Cố định đầu băng bằng băng dính hoặc kim băng |  |  |  |
|  | Theo dõi lưu thông máu dưới vị trí băng (hỏi, quan sát và kiểm tra).  Đánh giá lại tình trạng nạn nhân sau khi thực hiện KT |  |  |  |
|  | Viết phiếu chuyển thương, chuyển NN lên tuyến trên |  |  |  |

**KỸ THUẬT SƠ CỨU VÀ BĂNG VẾT THƯƠNG MỘT BÊN VAI**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH** | **Thành thạo** | **Có làm** | **Không**  **Làm** |
| **I** | **CHUẨN BỊ** |  |  |  |
|  | **Chuẩn bị dụng cụ**: hộp cứu thương   * Hộp sơ cứu (kẹp Kocher hoặc kẹp phẫu tích, kéo, băng, gạc miếng, gạc củ ấu, bát đựng dung dịch) * Dụng cụ khác: khay hạt đậu, phiếu chuyển thương, băng dính hoặc kim băng, găng tay, NaCl 0,9%. |  |  |  |
| **II** | **TIẾN HÀNH KỸ THUẬT** |  |  |  |
|  | Động viên, an ủi nạn, để nạn nhân ở tư thế thích hợp.  Nhận định tình trạng nạn nhân |  |  |  |
|  | Quan sát, nhận định, đánh giá vết thương, đi găng |  |  |  |
|  | Sơ cứu vết thương: lau xung quanh vết thương (rửa vết thương nếu cần), thấm khô, đặt gạc kín VT. |  |  |  |
|  | Băng 2 vòng cố định cánh tay sát nách bên vai bị thương |  |  |  |
|  | Băng vòng đầu tiên: vòng qua ngực (nếu vai phải bị thương), vòng qua sau lưng (nếu vai trái bị thương) luồn dưới nách bên kia qua lưng (hoặc ngực) về vai bị thương – bảo nạn nhân hít vào. |  |  |  |
|  | Băng các vòng tiếp theo: băng vòng sau đè lên vòng trước 1/2 hoặc 2/3, băng kín vùng bị thương ở vai |  |  |  |
|  | Cố định đầu băng bằng băng dính hoặc kim băng |  |  |  |
|  | Theo dõi lưu thông máu dưới vị trí băng (hỏi, quan sát và kiểm tra).  Đánh giá lại tình trạng nạn nhân sau khi thực hiện KT |  |  |  |
|  | Viết phiếu chuyển thương, chuyển NN lên tuyến trên |  |  |  |

QUY TRÌNH: KỸ THUẬT SƠ CỨU VẾT THƯƠNG Ở ĐẦU- BĂNG VẾT THƯƠNG BẰNG PHƯƠNG PHÁP 2 CUỘN

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH** | **MỤC ĐÍCH - Ý NGHĨA** | **TIÊU CHUẨN PHẢI ĐẠT** |
| **I** | **CHUẨN BỊ** |  |  |
| 1 | **Chuẩn bị dụng cụ:** hộp cứu thương   * + Hộp sơ cứu (kẹp Kocher hoặc kẹp phẫu tích, kéo, băng, gạc miếng, gạc củ ấu, bátkền đựng dung dịch). * Dụng cụ khác: khay hạt đậu, phiếu chuyển thương, băng dính hoặc kim băng, găng tay, NaCl 0,9%. | Lựa chọn được dụng cụ phù hợp với các loại vết thương và vị trí băng bó.  Tiến hành được thuận lợi, an toàn cho NB | Có đầy đủ dụng cụ, bông băng gạc phù hợp với vết thương.  Bông, băng gạc đảm bảo vô khuẩn.  Băng cuộn kích cỡ 5-6 cm, chiều dài 6m – 8m |
| **II** | **TIẾN HÀNH KỸ THUẬT** |  |  |
| 1. | Chuẩn bị tư thế nạn nhân: Để nạn nhân ở tư thế thích hợp (ngồi ghế có lưng tựa) | Chuẩn bị tư thế nạn nhân thích hợp giúp cho nạn nhân được an toàn, thủ thuật tiến hành được thuận lợi. | NN yên tâm và hợp tác trong suốt quá trình làm KT  NN nằm hoặc ngồi trên ghế có tựa lưng. |
| 2. | Xác định vị trívết thương: ĐD đứng trước nạn nhân - quan sát, đánh giá vết thương. | ĐD có thể đánh giá được vết thương.  Nhận định và đưa ra phương pháp chăm sóc thích hợp | ĐD xác định được vị trí tổn thương.  ĐD tiến hành được kỹ thuật an toàn, nhanh chóng. |
| 3. | Sơ cứu vết thương: cắt tóc vùng có vết thương, lau xung quanh vết thương (rửa vết thương nếu cần), thấm khô, đặt gạc kín vết thương. | Làm sạch vết thương  Bộc lộ vết thương | Cắt tóc xung quanh vị trí vết thương.  Rửa vết thương sạch sẽ đảm bảo không có đất, cát trên bề mặt VT |
| 4. | Băng 2 vòng ngang trán - dưới ụ chẩm | Cố định đường băng trên đầu. | Không được băng quá chặt hoặc quá lỏng.  Phía trước: Băng ngang trán, trên 2 cung lông mày  Phía sau: Băng dưới ụ chẩm |
| 5. | Băng toả kín vết thương và kín đầu:Băng từ trán qua đỉnh đầu xuống gáy rồi từ gáy lên trán và toả sang 2 bên cho đến kín hết vết thương, kín đầu, đường băng sau đè lên 1/2 hoặc 2/3 đường băng trước. | Băng kín vết thương  Đảm bảo ép chặt và cầm máu tại vết thương. | Băng theo kiểu băng hồi quy.  Băng chặt vừa phải, vòng sau đè lên từ ½ đến 2/3 vòng trước, không băng đè lên tai  Cuộn băng từ trái sang phải thì băng xung quanh trán để cố định.  Cuộn băng từ phải sang trái sẽ băng hồi quy ở giữa đỉnh đầu và lan sang 2 bên. |
| 6. | Băng 2 vòng quanh đầu cố định:cố định đầu băng bằng băng dính, kim băng hoặc buộc | Cố định đường băng ngang trán.  Tránh làm tuột đường băng. | Băng 2 vòng khóa trước trán. Không được cố định ở sau gáy.  Cuộn băng sau khi cố định phải được gắn chặt ở trước trán. |
| 7. | Theo dõi lưu thông máu dưới vị trí băng(bằng cách hỏi, quan sát và kiểm tra). | Đánh giá nạn nhân sau khi băng.  Xem lại băng có chặt quá không? | Hỏi NN xem băng có chặt không?  ĐD dùng 1 ngón tay đút lọt dưới vị trí băng.  Cầm được máu trên bề mặt vết thương |
| 8. | Đánh giá lại tình trạng nạn nhân sau khi thực hiện KT | Đảm bảo tính an toàn cho nạn nhân, phát hiện các tai biến hoặc diễn biến bất thường của NN | Nhận định sơ bộ tình trạng toàn thân và tại chỗ: ý thức, vùng băng vết thương.  NN không cảm thấy chặt, tức tại vùng băng. |
| 9. | Dặn dò nạn nhân | Theo dõi sát ý thức, tình trạng chảy máu tại vết thương | Giúp nạn nhân về tư thế thoải mái.  Hướng dẫn nạn nhân phát hiện sớm tai biến đảm bảo tính an toàn cho NN |
| 10. | Viết phiếu chuyển thương | Biết được thông tin NN  Đánh giá tình trạng nạn nhân trước khi chuyển | Ghi rõ đã xử trí những gì  Chuyển NN lên tuyến trên an toàn |
| 11. | Thu dọn dụng cụ | Đảm bảo gọn gàng, tránh thất thoát dụng cụ, phòng tránh lây nhiễm. | Gọn gàng, đúng vị trí, phân loại rác thải đúng quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn |
| 12. | Rửa tay nội khoa | Tránh lây nhiễm cho nhân viên y tế và cho người bệnh | Đúng và đủ quy trình 6 bước |

QUY TRÌNH: KỸ THUẬT SƠ CỨU VẾT THƯƠNG Ở 5 NGÓN TAY- TIẾN HÀNH BĂNG VẾT THƯƠNG

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH** | **MỤC ĐÍCH - Ý NGHĨA** | **TIÊU CHUẨN PHẢI ĐẠT** |
| **I** | **CHUẨN BỊ** |  |  |
| 1. | **Chuẩn bị dụng cụ:** hộp cứu thương   * + Hộp sơ cứu (kẹp Kocher hoặc kẹp phẫu tích, kéo, băng, gạc miếng, gạc củ ấu, bátkền đựng dung dịch). * Dụng cụ khác: khay hạt đậu, phiếu chuyển thương, băng dính hoặc kim băng, găng tay, NaCl 0,9%. | Lựa chọn được dụng cụ phù hợp với các loại vết thương và vị trí băng bó.  Tiến hành được thuận lợi, an toàn cho NN | Có đầy đủ dụng cụ, bông băng gạc phù hợp với vết thương.  Bông, băng gạc dung dịch rửa vết thương đảm bảo vô khuẩn.  Băng cuộn kích cỡ 2 - 3cm chiều dài 3m – 5m. |
| **II** | **TIẾN HÀNH KỸ THUẬT** |  |  |
| 1 | **Chuẩn bị tư thế nạn nhân**: Để nạn nhân ở tư thế thích hợp (ngồi ghế có lưng tựa) | Chuẩn bị tư thế nạn nhân thích hợp giúp cho NN được an toàn, thủ thuật tiến hành được thuận lợi. | NN yên tâm và hợp tác trong suốt quá trình làm kỹ thuật.  NN nằm hoặc ngồi trên ghế có tựa lưng. |
| 2 | **Xác định vị trí vết thương:** ĐD đứng trước nạn nhân - quan sát, đánh giá vết thương, đi găng. | ĐD có thể đánh giá được vết thương  Nhận định và đưa ra phương pháp chăm sóc thích hợp | ĐD xác định được vị trí tổn thương  ĐD tiến hành được kỹ thuật an toàn, nhanh chóng |
| 3 | **Sơ cứu vết thương:**  Lau xung quanh vết thương (rửa vết thương nếu cần), thấm khô, đặt gạc kín vết thương. | Làm sạch vết thương  Bộc lộ vết thương | Rửa nhẹ nhàng từng ngón tay chú ý khe kẽ ngón tay.  Rửa vết thương sạch sẽ đảm bảo không có đất, cát trên bề mặt VT  Đặt gạc tách rời từng ngón tay. |
| 4 | Băng 2 vòng cố định ở sát cổ tay | Cố định băng trên tay tránh bị tuột băng. | Không được băng quá chặt hoặc quá lỏng |
| 5 | **Băng ngón đầu tiên**:  Băng từ mu bàn tay trái đến gốc ngón út (nếu vết thương ở bàn tay trái), băng từ mu bàn tay phải đến gốc ngón cái (nếu vết thương ở bàn tay phải)  Băng hình rắn quấn từ gốc ngón tay đến đầu ngón tay rồi cuộn 1 vòng sau đó băng xoáy ốc từ đầu ngón tay về đến gốc ngón và trở về mu bàn tay. | Băng kín vết thương  Đảm bảo ép chặt vào vết thương | Băng theo kiểu băng rắn quấn để giữ gạc sau đó băng xoáy ốc từ đầu ngón tay xuống gốc ngón.  Băng chặt vừa phải, vòng sau đè lên từ ½ đến 2/3 vòng trước  Để hở đầu ngón tay để theo dõi lưu thông máu. |
| 6 | Băng các ngón tiếp theo:  Ngón thứ 2 (băng giống ngón đầu tiên) | Che kín vết thương, thấm hút dịch máu, mủ. | Không được băng quá chặt  Băng tách riêng từng ngón tay.  Hở đầu ngón tay để theo dõi lưu thông máu |
| 7 | Ngón thứ 3 (băng giống ngón đầu tiên) | Che kín vết thương, thấm hút dịch máu, mủ. | Không được băng quá chặt  Băng tách riêng từng ngón tay.  Hở đầu ngón tay để theo dõi lưu thông máu |
| 8 | Ngón thứ 4 (băng giống ngón đầu tiên) | Che kín vết thương, thấm hút dịch máu, mủ. | Không được băng quá chặt  Băng tách riêng từng ngón tay.  Hở đầu ngón tay để theo dõi lưu thông máu |
| 9 | Ngón thứ 5 (băng giống ngón đầu tiên) | Che kín vết thương, thấm hút dịch máu, mủ | Không được băng quá chặt  Hở đầu ngón tay để theo dõi lưu thông máu |
| 10 | Cố định đầu băng: kết thúc bằng 2 vòng cố định ở cổ tay (cố định đầu băng bằng băng dính, kim băng hoặc buộc) | Cố định đường băng tránh làm tuột băng. | Băng vòng khóa cố định ở cổ tay  Dán băng dính hoặc gài kim băng |
| 11 | Đánh giá lại tình trạng nạn nhân sau khi thực hiện KT | Đảm bảo tính an toàn cho người bệnh, phát hiện các tai biến hoặc diễn biến bất thường của NN | Nhận định sơ bộ tình trạng toàn thân và tại chỗ: vùng băng vết thương.  NN không cảm thấy chặt và tê tay. |
| 12 | Dặn dò nạn nhân | Theo dõi sát ý thức, tình trạng chảy máu vết thương | Giúp người bệnh về tư thế thoải mái  Hướng dẫn nạn nhân phát hiện sớm tai biến, đảm bảo tính an toàn cho NN |
| 13 | Viết phiếu chuyển thương | Biết được thông tin NN  Đánh giá tình trạng nạn nhân trước khi chuyển | Ghi rõ đã xử trí những gì  Chuyển NN lên tuyến trên an toàn |
| 14 | Thu dọn dụng cụ | Đảm bảo gọn gàng, tránh thất thoát dụng cụ, phòng tránh lây nhiễm | Gọn gàng, đúng vị trí, đúng quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn |
| 15 | Rửa tay nội khoa | Tránh lây nhiễm cho nhân viên y tế và cho người bệnh | Đúng quy trình và đủ 6 bước |

QUY TRÌNH: KỸ THUẬT SƠ CỨU VẾT THƯƠNG Ở BÀN TAY- BĂNG KÍN BÀN TAY KIỂU SỐ 8

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH** | **MỤC ĐÍCH - Ý NGHĨA** | **TIÊU CHUẨN PHẢI ĐẠT** |
| **I** | **CHUẨN BỊ** |  |  |
| 1. | **Chuẩn bị dụng cụ:** hộp cứu thương   * + Hộp sơ cứu (kẹp Kocher hoặc kẹp phẫu tích, kéo, băng, gạc miếng, gạc củ ấu, bát kền đựng dung dịch). * Dụng cụ khác: khay hạt đậu, phiếu chuyển thương, băng dính hoặc kim băng, găng tay, NaCl 0,9%. | Lựa chọn được dụng cụ phù hợp với các loại vết thương và vị trí băng bó.  Tiến hành được thuận lợi, an toàn cho nạn nhân. | Có đầy đủ dụng cụ, bông băng gạc phù hợp với vết thương.  Bông, băng gạc và dung dịch rửa vết thương đảm bảo vô khuẩn.  Băng cuộn kích cỡ: 4- 5cm, 2 - 3cm, chiều dài 3m – 5m |
| **II** | **TIẾN HÀNH KỸ THUẬT** |  |  |
| 1 | **Chuẩn bị tư thế nạn nhân:**  Để nạn nhân ở tư thế thích hợp (ngồi ghế có lưng tựa) | Chuẩn bị tư thế người bệnh thích hợp giúp cho người bệnh được an toàn, thủ thuật tiến hành được thuận lợi. | NN yên tâm và hợp tác trong suốt quá trình làm KT  NN nằm hoặc ngồi trên ghế có tựa lưng. |
| 2 | **Xác định vị trí vết thương:** ĐD đứng trước nạn nhân - quan sát, đánh giá vết thương, đi găng. | ĐD có thể đánh giá được vết thương  Nhận định và đưa ra phương pháp chăm sóc thích hợp | ĐD xác định được vị trí tổn thương  ĐD tiến hành được kỹ thuật an toàn, nhanh chóng |
| 3 | **Sơ cứu vết thương:**  Lau xung quanh vết thương (rửa vết thương nếu cần), thấm khô, đặt gạc kín vết thương. | Làm sạch vết thương  Bộc lộ vết thương | Rửa nhẹ nhàng vùng tổn thương ở bàn tay, chú ý phần khe kẽ ngón tay.  Không nên cố tách riêng từng ngón tay.  Rửa vết thương sạch sẽ đảm bảo không có đất, cát trên bề mặt VT  Đặt gạc phủ kín bàn tay, không đặt tách riêng từng ngón. |
| 4 | **Băng kín 4 ngón:**  Băng đầu các ngón tay theo cách băng vòng gấp lại từ mu ngón tay sang lòng ngón tay, băng từ giữa sang 2 bên, băng gập 2 - 3 lần vòng sau đè lên vòng trước 1/2 hoặc 2/3 | Băng hồi quy từ giữa các đầu ngón tay sang 2 bên.  Băng ép gạc vào vùng tổn thương đầu ngón tay để cầm máu và cố định vết thương. | Áp dụng kiểu băng hồi quy  Đảm bảo che kín cả bàn tay, không được băng tách riêng các ngón |
| 5 | Băng một vòng cố định phía dưới phần vừa băng | Cố định chặt các vòng của băng hồi quy | Áp dụng kiểu băng vòng khóa ở gốc các ngón tay. |
| 6 | Băng bàn tay: tiếp tục băng số 8 từ trên xuống, băng kín bàn tay | Che kín mu bàn tay  Băng ép chặt gạc vào vết thương để cầm máu. | Áp dụng kiểu băng số 8 từ gốc ngón tay đến cổ tay. |
| 7 | Băng 2 vòng cố định ở cổ tay, cố định đầu băng bằng băng dính hoặc kim băng | Cố định đường băng khi kết thúc băng | Băng vòng khóa: cố định sát cổ tay |
| 8 | Băng ngón cái: Băng rắn cuốn từ gốc ngón tới đầu ngón (hở đầu ngón), từ đầu ngón băng số 8 tới gốc, vòng sau đè lên vòng trước 1/2 hoặc 2/3, băng kín ngón | Cố định ngón cái tránh di lệch.  Để ngón cái ở tư thế cơ năng | Áp dụng kiểu băng rắn quấn và số 8  Không được băng quá chặt  Hở đầu ngón tay để theo dõi lưu thông máu |
| 9 | Cố định đầu băng bằng băng dính hoặc kim băng | Cố định chắc đường băng | Băng vòng khóa cố định tại cổ tay, dán băng dính hoặc gài kim băng.  Không được cố định lên vết thương, đầu xương. |
| 10 | Theo dõi lưu thông máu dưới vị trí băng(hỏi, quan sát và kiểm tra).  Đánh giá lại tình trạng nạn nhân sau khi thực hiện KT | Xem có chặt không  Đảm bảo tính an toàn cho người bệnh, phát hiện các tai biến hoặc diễn biến bất thường của NB | Nhận định sơ bộ tình trạng toàn thân và tại chỗ: ý thức, vùng băng vết thương  NN không cảm thấy chặt hay đau tức tại vùng băng. |
| 11 | Dặn dò người bệnh | Theo dõi sát ý thức, tình trạng chảy máu vết thương | Giúp NN về tư thế thoải mái  Hướng dẫn NN phát hiện sớm tai biến, đảm bảo an toàn cho NN |
| 12 | Viết phiếu chuyển thương | Biết được thông tin NN  Đánh giá tình trạng nạn nhân trước khi chuyển | Ghi rõ đã xử trí những gì  Chuyển NN lên tuyến trên an toàn |
| 13 | Thu dọn dụng cụ | Đảm bảo gọn gàng, tránh thất thoát dụng cụ, phòng tránh lây nhiễm | Gọn gàng, đúng vị trí, phân loại rác đúng quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn |
| 14 | Rửa tay nội khoa | Tránh lây nhiễm cho nhân viên y tế và cho người bệnh | Đúng quy trình và đủ 6 bước |

**QUY TRÌNH: KỸ THUẬT SƠ CỨU VẾT THƯƠNG Ở VAI –**

**TIẾN HÀNH BĂNG KÍN VẾT THƯƠNG Ở MỘT BÊN VAI**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH** | **MỤC ĐÍCH - Ý NGHĨA** | **TIÊU CHUẨN PHẢI ĐẠT** |
| **I** | **CHUẨN BỊ** |  |  |
| 1 | **Chuẩn bị dụng cụ:** hộp cứu thương   * + Hộp sơ cứu (kẹp Kocher hoặc kẹp phẫu tích, kéo, băng, gạc miếng, gạc củ ấu, bátkền đựng dung dịch). * Dụng cụ khác: khay hạt đậu, phiếu chuyển thương, băng dính hoặc kim băng, găng tay, NaCl 0,9%. | Lựa chọn được dụng cụ phù hợp với các loại vết thương và vị trí băng bó.  Tiến hành được thuận lợi, an toàn cho NB | Có đầy đủ dụng cụ, bông băng gạc phù hợp với vết thương.  Bông băng gạc đảm bảo vô khuẩn  Băng cuộn kích cỡ: 6- 7cm, chiều dài 8m – 10m. |
| **II** | **TIẾN HÀNH KỸ THUẬT** |  |  |
| 1 | **Chuẩn bị tư thế nạn nhân:**  Để nạn nhân ở tư thế thích hợp (ngồi ghế có lưng tựa) | Chuẩn bị tư thế nạn nhân thích hợp giúp cho người bệnh được an toàn, thủ thuật tiến hành được thuận lợi. | NN yên tâm và hợp tác trong suốt quá trình làm KT  NN nằm hoặc ngồi trên ghế có tựa lưng. |
| 2 | **Xác định vị trí vết thương:**  ĐD đứng trước nạn nhân - quan sát, đánh giá vết thương, đi găng, bộc lộ vết thương. | ĐD có thể đánh giá được vết thương  Nhận định và đưa ra phương pháp chăm sóc thích hợp  Bộc lộ được vết thương. | ĐD xác định được vị trí tổn thương, ngoài vết thương ở vai thì NN có các vết thương ở ngực không?  Dùng kéo cắt áo bên bị thương, không cố cởi áo. |
| 3 | **Sơ cứu vết thương:**  Lau xung quanh vết thương (rửa vết thương nếu cần), thấm khô, đặt gạc kín vết thương. | Làm sạch vết thương  Tránh nhiễm khuẩn | Rửa nhẹ nhàng vùng tổn thương ở vai, chú ý xem có gãy xương không?  Không nên vận động nhiều vùng khớp vai.  Rửa vết thương sạch sẽ đảm bảo không có đất, cát trên bề mặt VT  Đặt gạc phủ kín vết thương. |
| 4 | Băng 2 vòng cố định cánh tay sát nách bên vai bị thương | Giữ đường băng chặt trên tay | Băng vòng khóa cố định sát hõm nách |
| 5 | **Băng vòng đầu tiên:**  Băng vòng qua ngực (nếu vai phải bị thương), vòng qua sau lưng (nếu vai trái bị thương) luồn dưới nách bên kia qua lưng (hoặc ngực) về vai bị thương – bảo nạn nhân hít vào | Vai phải băng qua ngực  Vai trái băng qua lưng | Khi vòng đầu tiên qua ngực bảo NN hít tối đa |
| 6 | Băng các vòng tiếp theo: băng vòng sau đè lên vòng trước 1/2 hoặc 2/3, băng kín vùng bị thương ở vai | Để đảm bảo che kín VT | Áp dụng băng số 8 |
| 7 | Cố định đầu băng bằng băng dính hoặc kim băng | Cố định băng trên cơ thể NN | Băng vòng khóa cố định ở cánh tay hoặc cố định trước ngực.  Không được cố định trên VT, hõm nách hoặc sau vai. |
| 8 | Theo dõi lưu thông máu dưới vị trí băng(hỏi, quan sát và kiểm tra).  Đánh giá lại tình trạng nạn nhân sau khi thực hiện KT | Xem có chặt hay không?  Phát hiện các tai biến hoặc diễn biến bất thường. | Kiểm tra tay bên băng  NN không bị tê tay, không thấy chặt  Nhận định sơ bộ tình trạng toàn thân và tại chỗ: ý thức, vùng băng vết thương |
| 9 | Dặn dò người bệnh | Theo dõi sát ý thức, tình trạng chảy máu vết thương | Giúp người bệnh về tư thế thoải mái  Hướng dẫn người bệnh phát hiện sớm tai biến đảm bảo an toàn cho người bệnh |
| 12 | Viết phiếu chuyển thương | Biết được thông tin NN  Đánh giá tình trạng nạn nhân trước khi chuyển | Ghi rõ đã xử trí những gì  Chuyển NN lên tuyến trên an toàn |
| 13 | Thu dọn dụng cụ | Đảm bảo gọn gàng, tránh thất thoát dụng cụ, phòng tránh lây nhiễm | Gọn gàng, đúng vị trí, đúng quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn |
| 14 | Rửa tay nội khoa | Tránh lây nhiễm cho nhân viên y tế và cho người bệnh | Đúng quy trình và đủ 6 bước |